

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 16/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND Thành phố về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1974/QĐ-UBND ngày 10/4/2025 của UBND Thành phố về việc ủy quyền cho Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Khoa học, Công nghệ, Môi trường; Khuyến nông; Thủy lợi; Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn; Tài nguyên nước; Môi trường; Địa chất và khoáng sản; Ứng phó sự cố tràn dầu thuộc thẩm quyền của UBND thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1074/QĐ-TTPVHCC ngày 17/7/2025 của Trung tâm phục vụ hành chính công về việc phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực Môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 117/QĐ-SNNMT ngày 06/3/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc ban hành Quy chế làm việc của Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 909/QĐ-SNNMT ngày 01/7/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi

trường về việc phân công công tác của Giám đốc Sở và các Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội;

Xét Văn bản số 39/2025/CV/SCT ngày 07/7/2025 của Công ty TNHH Thành phố Mặt trời về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường và hồ sơ kèm theo;

Xét nội dung Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của dự án “Nhà hát Ngọc Trai và công viên văn hóa nghệ thuật chuyên đề (Giai đoạn 1 và hạng mục bãi đỗ xe, đường giao thông)” đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 63/2025/CV-SCT ngày 29/7/2025 của Công ty TNHH Thành phố Mặt trời;

Theo đề nghị của phòng Quản lý môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Thành phố Mặt trời, địa chỉ trụ sở chính tại số 13 phố Hai Bà Trưng, phường Hai Bà Trưng, Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Nhà hát Ngọc Trai và công viên văn hóa nghệ thuật chuyên đề (Giai đoạn 1 và hạng mục bãi đỗ xe, đường giao thông)”, địa điểm tại phường Tây Hồ, Hà Nội với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà hát Ngọc Trai và công viên văn hóa nghệ thuật chuyên đề (Giai đoạn 1 và hạng mục bãi đỗ xe, đường giao thông).

1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp: 0101976239, đăng ký lần đầu ngày 29/5/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 33 ngày 14/03/2025 do phòng Đăng ký kinh doanh và tài chính doanh nghiệp, Sở Tài chính Hà Nội cấp.

1.4. Mã số thuế: 0101976239.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Văn hóa, nghệ thuật, giải trí và dịch vụ.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Phạm vi: Dự án được xây dựng tại khu đất có địa chỉ tại phường Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

- Quy mô: Đầu tư xây dựng Giai đoạn 1 và hạng mục bãi đỗ xe, đường giao thông thuộc dự án Nhà hát Ngọc Trai và công viên văn hóa nghệ thuật chuyên đề gồm các hạng mục: Cụm công trình nhà hát Ngọc Trai (tổng diện tích 93.339 m²; diện tích xây dựng 18.898 m²); Bãi đỗ xe (diện tích 4.016 m²); Đường giao thông

(diện tích 5.205 m²) (theo Quyết định chấp thuận nhà đầu tư số 2240/QĐ-UBND ngày 28/4/2025 của UBND Thành phố).

+ Dự án tương đương dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật đầu tư công).

Chi tiết được nêu trong hồ sơ, báo cáo của dự án.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Thành phố Mặt trời:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Thành phố Mặt trời có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả chất ô nhiễm, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp giấy phép môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND Thành phố (để b/c);
- Giám đốc Sở (để b/c);
- PGĐ Sở Nguyễn Anh Quân;
- UBND phường Tây Hồ;
- Công ty TNHH Thành phố Mặt trời;
- Cổng thông tin điện tử Sở NN&MT;
- Lưu: VT, QLMT.

MHS: 21075 (H26.103-250710-0001).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Anh Quân

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-SNNMT

ngày tháng năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt tại khu vực nhà hát.
- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ quá trình rửa lọc cột lọc áp lực của hệ thống xử lý nước thải khu vực nhà hát.
- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải khu vực nhà hát.
- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt tại khu phụ trợ nhà hát.
- Nguồn số 05: Nước thải phát sinh từ quá trình rửa lọc cột lọc áp lực của hệ thống xử lý nước thải khu vực phụ trợ nhà hát.
- Nguồn số 06: Nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải khu vực phụ trợ nhà hát.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước khu vực trên đường Đặng Thai Mai, thuộc địa bàn phường Tây Hồ, Hà Nội.

2.2. Dòng nước thải: 02 dòng nước thải.

- Dòng nước thải số 01: Dòng nước thải từ nguồn số 01, 02, 03 qua Hệ thống xử lý nước thải khu vực nhà hát, sau đó xả ra hệ thống thoát nước khu vực.
- Dòng nước thải số 02: Dòng nước thải từ nguồn số 04, 05, 06 qua Hệ thống xử lý nước thải khu vực phụ trợ nhà hát, sau đó xả ra hệ thống thoát nước khu vực.

2.3. Vị trí xả nước thải: Hồ ga cuối trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước khu vực trên đường Đặng Thai Mai, thuộc địa bàn phường Tây Hồ, Hà Nội.

Tọa độ vị trí xả nước thải (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}00'$, múi chiều 3°): X = 2329450; Y = 585455.

2.4. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:

- Dòng nước thải số 01: $40 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.
- Dòng nước thải số 02: $80 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

2.4.1. Phương thức xả nước thải: Bơm cưỡng bức.

2.4.2. Chế độ xả nước thải: Gián đoạn.

2.4.3. Chất lượng nước thải:

a. Giai đoạn đến hết ngày 31/12/2031: Nước thải sau xử lý, trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, K = 1,0), cụ thể:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng phải thực hiện (*)	Không thuộc đối tượng phải thực hiện (**)
2	Amoni (tính theo N)	mg/l	10		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.000		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,0		
6	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	50		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	50		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10		
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10		
11	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	5.000		

Ghi chú: Khuyến khích thực hiện quan trắc nước thải sau xử lý để tự theo dõi, giám sát hệ thống, thiết bị xử lý nước thải.

(*) (**): Theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

b. Giai đoạn từ ngày 01/01/2032: Nước thải sau xử lý, trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung (cột B, đối với thông số STT 1-11) và QCVN 40:2025/BTNMT (đối với đối với thông số STT 12, 13) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cụ thể:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng phải thực hiện (*)	Không thuộc đối tượng phải thực hiện (**)
2	Nhu cầu ôxy sinh hóa (BOD ₅ ở 20°C)	mg/l	≤ 35		
3	Nhu cầu ôxy hóa học (COD)	mg/l	≤ 90		
	Hoặc Tổng Cacbon hữu cơ (TOC)	mg/l	≤ 45		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	≤ 60		
5	Amoni (N-NH ₄ ⁺), tính theo N		≤ 8,0		
6	Tổng Nitơ (T-N)	mg/l	≤ 30		
7	Tổng Phốt pho (T-P)		≤ 6,0		
8	Tổng Coliform	MPN hoặc CFU/100 ml	≤ 5.000		
9	Sunfua (S ²⁻)	mg/l	≤ 0,5		
10	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	≤ 15		
11	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/l	≤ 5,0		
12	Chloroform	mg/l	≤ 0,8		
13	Clo dư	mg/l	≤ 2,0		

Chú thích: Tổ chức, cá nhân được lựa chọn áp dụng TOC hoặc COD.

Ghi chú: Khuyến khích thực hiện quan trắc nước thải sau xử lý để tự theo dõi, giám sát hệ thống, thiết bị xử lý nước thải.

(*) (**): Theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Dòng nước thải số 01:

a. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về Hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải gồm: Nước thải đen; Nước thải xám; Nước thải khu vực bếp xử lý sơ bộ qua bể tách mỡ; Nước thải phát sinh từ quá trình rửa lọc cột lọc áp lực của hệ thống xử lý nước thải khu vực nhà hát; Nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý mùi của

hệ thống xử lý nước thải khu vực nhà hát. Tất cả nước thải được thu gom về Hệ thống xử lý nước thải công suất 40 m³/ngày đêm.

b. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí (có giá thể MBBR) → Bể lắng → Bể khử trùng → Cột lọc áp lực → Bể chứa nước sau xử lý → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 40 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOCl, Methanol (hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục A Phụ lục này).

c. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không.

1.2. Dòng nước thải số 02:

a. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về Hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải gồm: Nước thải đen xử lý sơ bộ qua bể tự hoại; Nước thải xám; Nước thải khu vực bếp xử lý sơ bộ qua bể tách mỡ; Nước thải phát sinh từ quá trình rửa lọc cột lọc áp lực của hệ thống xử lý nước thải khu vực phụ trợ nhà hát; Nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý mùi của hệ thống xử lý nước thải khu vực phụ trợ nhà hát. Tất cả nước thải được thu gom về Hệ thống xử lý nước thải công suất 80 m³/ngày đêm.

b. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí (có giá thể MBBR) → Bể lắng → Bể khử trùng → Cột lọc áp lực → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 80 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOCl, Methanol (hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục A Phụ lục này).

c. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của Hệ thống xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với Hệ thống xử lý nước thải.

- Định kỳ theo dõi và kiểm tra Hệ thống xử lý nước thải và chất lượng nước thải đầu ra của Hệ thống xử lý nước thải.

- Tuân thủ quy trình vận hành và các yêu cầu kỹ thuật của Hệ thống xử lý nước thải.

- Định kỳ tiến hành kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc Hệ thống xử lý

nước thải, hệ thống thu gom và tiêu thoát nước thải.

- Trường hợp xảy ra sự cố tại Hệ thống xử lý nước thải, không được xả nước thải chưa đạt yêu cầu ra ngoài môi trường. Nước thải tạm thời lưu chứa. Trường hợp quá thời gian lưu chứa mà chưa khắc phục được sự cố, Chủ dự án thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- Hệ thống xử lý nước thải chỉ được vận hành trở lại khi đã khắc phục hoàn toàn sự cố, không xả nước thải chưa được xử lý đạt yêu cầu của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt ra ngoài môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Thời gian vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải được tính từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm. Chủ dự án đầu tư quyết định và tự chịu trách nhiệm nhưng không quá 06 tháng và phải bảo đảm đánh giá được hiệu quả của công trình xử lý chất thải theo quy định.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải khu vực nhà hát công suất 40 m³/ngày đêm và Hệ thống xử lý nước thải khu vực phụ trợ nhà hát công suất 80 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Nước thải đầu vào của Hệ thống xử lý nước thải.
- Nước thải đầu ra của Hệ thống xử lý nước thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung được cấp phép tại Mục 2.4.3 Phần A của Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Tuân thủ theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Việc quan trắc chất thải do Chủ dự án tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý chất thải.

3. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý mùi phát sinh từ Hệ thống xử lý nước thải:

Mùi phát sinh từ 02 Hệ thống xử lý nước thải phải được thu gom bằng hệ thống đường ống, qua 02 tháp hấp thụ (dung dịch hấp thụ là NaOH), sử dụng quạt hút, sau đó xả ra mái tòa nhà.

4. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

4.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án đạt yêu cầu về

chất lượng nước thải quy định tại Mục 2.4.3 Phần A của Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường và công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải bảo đảm không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố đối với Hệ thống xử lý nước thải.

4.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.4.3 Phần A của Phụ lục này và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

4.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất đảm bảo vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý nước thải.

4.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

PHỤ LỤC 2

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-SNNMT

ngày tháng năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại, chất thải phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:

STT	Chủng loại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	5
2	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có chứa linh kiện điện tử thải (bao gồm cả bóng đèn Led)	16 01 13	110
3	Pin, ắc quy thải	16 01 12	53
4	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	20
5	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	60
	Tổng		248

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Tổng khối lượng Bùn thải từ Hệ thống xử lý nước thải khu nhà hát phát sinh khoảng 1.920 kg/tháng; Bùn thải từ Hệ thống xử lý nước thải khu phụ trợ phát sinh khoảng 2.910 kg/tháng.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 29,2 tấn/tháng.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng lưu chứa dung tích 30 - 120 lít.

- Thùng lưu chứa ghi rõ nhãn mác của từng loại CTNH được lưu giữ.

2.1.2. Khu lưu chứa CTNH: 01 khu lưu chứa CTNH đặt tại tầng 1, cạnh phòng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt, diện tích 8 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Khu lưu chứa có tường bao, nền chống thấm. Khu lưu giữ CTNH phải bảo đảm không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn.

- Khu lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (dán nhãn cảnh báo tên của từng loại CTNH; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại CTNH được lưu giữ theo quy định hiện hành; có lắp đặt hệ thống, thiết bị chữa cháy; có vật liệu hấp thụ và xéng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn CTNH ở thể lỏng,...). Chất thải nguy hại được định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Bùn thải phát sinh từ Hệ thống xử lý nước thải khu nhà hát và Hệ thống xử lý nước thải khu phụ trợ được lưu giữ tại Bể chứa bùn của từng Hệ thống xử lý nước thải. Định kỳ chuyển giao Bùn thải phát sinh từ Hệ thống xử lý nước thải cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng lưu chứa dung tích 10 - 15 lít, 120 lít.
- Xe rác dung tích 0,5 m³/xe.
- Thực hiện phân loại rác tại nguồn theo Khoản 1 Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3.2. Khu lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt: 01 khu lưu chứa tập trung đặt tại tầng 1, diện tích 26 m² (gồm phòng chứa rác ướt, diện tích 6 m² và phòng chứa rác khô, diện tích 20 m²).

2.3.3. Chất thải rắn sinh hoạt được chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý hàng ngày.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Bố trí thiết bị, phương tiện để phân loại tại nguồn, thu gom chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với lượng, loại chất thải phát sinh theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và quy định của thành phố Hà Nội.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b, khoản 6, Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2, Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

PHỤ LỤC 3

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-SNNMT
ngày tháng năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Việc thu gom, vận chuyển, xử lý phế thải xây dựng trong quá trình triển khai xây dựng Dự án phải thực hiện theo Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 16/5/2017 của UBND thành phố Hà Nội về việc tăng cường quản lý phá dỡ, thu gom, vận chuyển, xử lý phế thải xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội. Bố trí khu lưu giữ nguyên vật liệu, phế thải và thiết bị tại những địa điểm phù hợp để giảm thiểu ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên trong quá trình thi công xây dựng; thực hiện chương trình giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, bảo vệ an ninh xã hội đối với đội ngũ cán bộ, công nhân tham gia thi công xây dựng, vận hành dự án.

2. Quá trình thi công xây dựng Dự án phải thực hiện đúng quy định tại Quyết định số 29/2015/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 của UBND thành phố Hà Nội về đảm bảo trật tự, an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng các công trình tại thành phố Hà Nội; Các biện pháp giảm bụi theo quy định tại Quyết định số 02/2005/QĐ-UB ngày 10/01/2005 của UBND thành phố Hà Nội và Quyết định số 241/2005/QĐ-UB ngày 30/12/2005 của UBND thành phố Hà Nội về việc sửa đổi một số điều quy định về việc thực hiện các biện pháp làm giảm bụi trong lĩnh vực xây dựng trên địa bàn Thành phố. Bụi và khí thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng dự án phải có các biện pháp giảm thiểu, đảm bảo đạt QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

3. Tiếng ồn và độ rung trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án phải có biện pháp giảm thiểu, đảm bảo tuân thủ quy định tại Quy chuẩn Kỹ thuật quốc gia QCVN 26:2010/BTNMT về tiếng ồn (khu vực thông thường) và QCVN 27:2010/BTNMT (Bảng 2 - Khu vực thông thường) về độ rung (giai đoạn đến hết ngày 31/12/2031); QCVN 26:2025/BTNMT về tiếng ồn và QCVN 27:2025/BTNMT về độ rung (giai đoạn từ ngày 01/01/2032).

4. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện việc quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi

trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; đảm bảo khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

5. Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình thi công xây dựng của Dự án phải được thu gom và chuyển giao cho đơn vị có chức năng để xử lý theo quy định; Nước thải thi công phải được thu gom, xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường.

6. Toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình vận hành của Dự án phải được thu gom và xử lý qua Hệ thống xử lý nước thải khu vực nhà hát công suất thiết kế 40 m³/ngày đêm và Hệ thống xử lý nước thải khu vực phụ trợ nhà hát công suất thiết kế 80 m³/ngày đêm đảm bảo đạt quy chuẩn môi trường trước khi xả thải ra môi trường.

7. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải đảm bảo quy định hiện hành trước khi xả thải ra môi trường.

8. Thực hiện nghiêm túc các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, ứng phó sự cố môi trường trong suốt quá trình hoạt động của dự án.

9. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

10. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất (trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh); công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

11. Thực hiện đền bù những thiệt hại môi trường do dự án gây ra theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

12. Đảm bảo nguồn kinh phí vận hành các công trình xử lý môi trường đã cam kết trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

13. Thực hiện đề nghị cấp lại, cấp điều chỉnh, cấp đổi Giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường.

14. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan./.